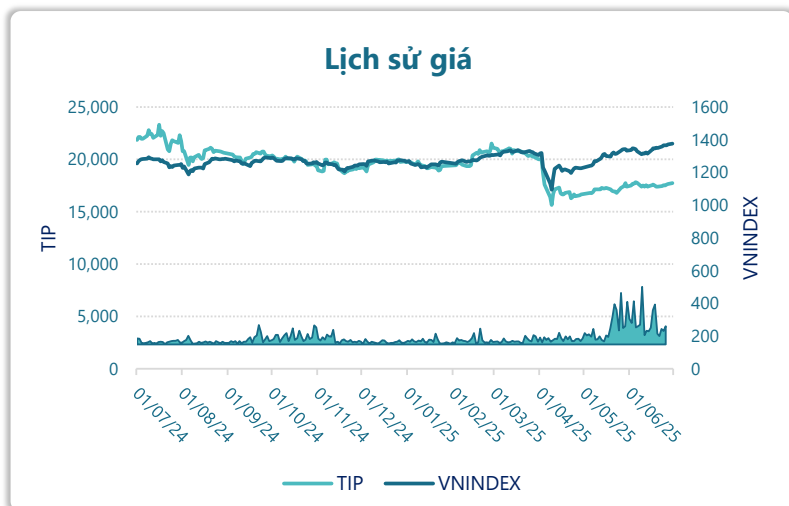


CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HSX: TIP)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	19,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	23,308
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,645
SL cổ phiếu LH	65,007,857
KLGD BQ 20 phiên (CP)	88,355
% sở hữu nước ngoài	17.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,245
P/E	7.0
EPS	2,740

DT thuần
Q2/25

35.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.30 | 6.7%

YoY: ▼ 4.80 | -11.9%

LN sau thuế
Q2/25

71.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 51.1 | 256%

YoY: ▲ 3.10 | 4.6%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25

247%

+/- YoY: ▲ 38.6%

DT thuần
6T 2025

69.4

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 9.70 | -12.2%

LN sau thuế
6T 2025

91.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 5.00 | -5.2%

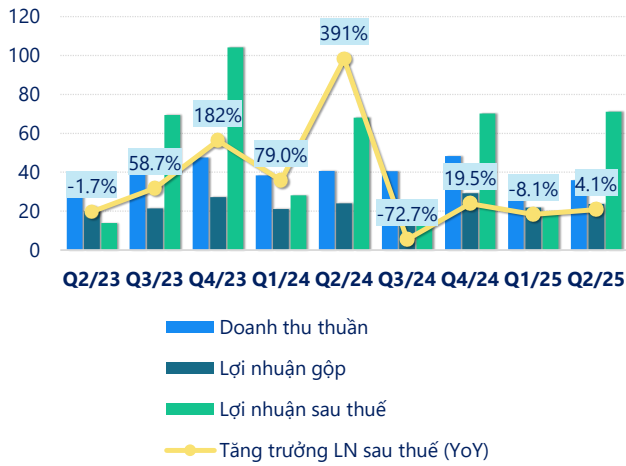
ROE
Q2/25

9.7%

+/- YoY: ▼ 5.6%

tỷ VNĐ

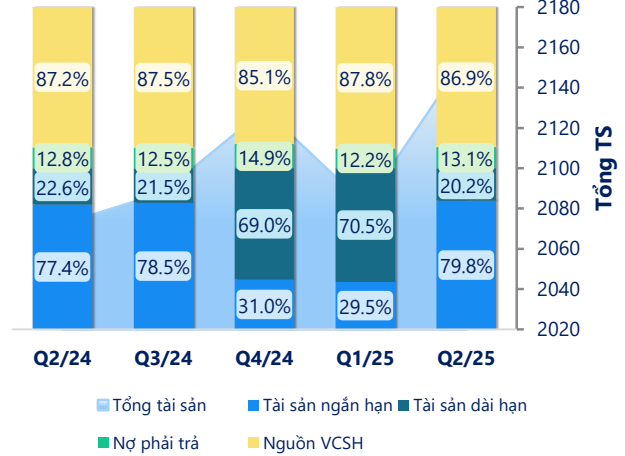
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

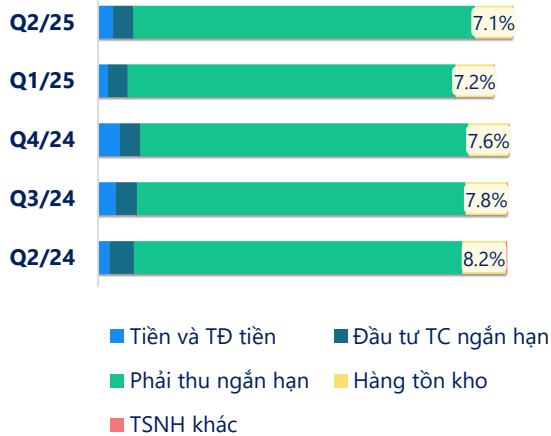
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



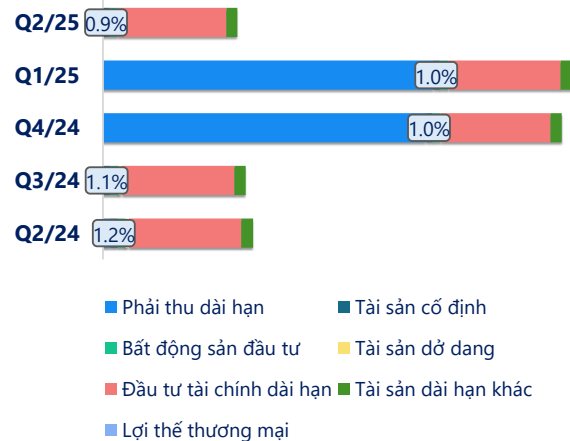
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

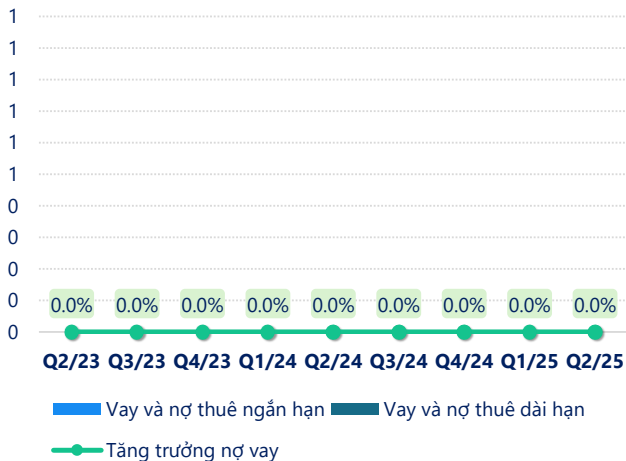
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

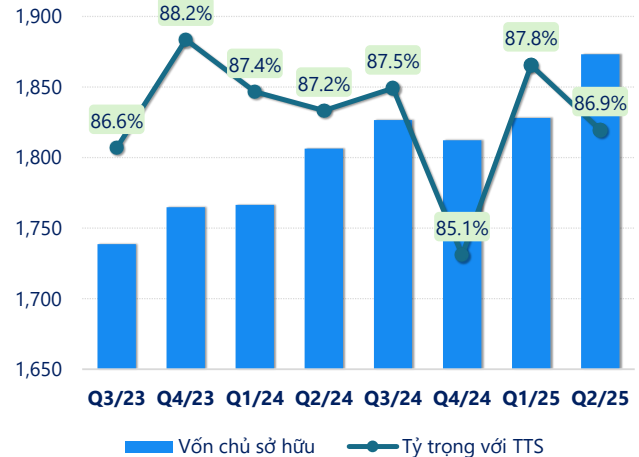
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

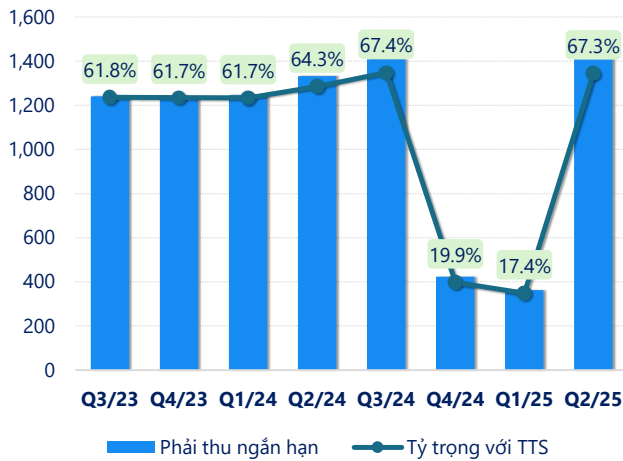
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

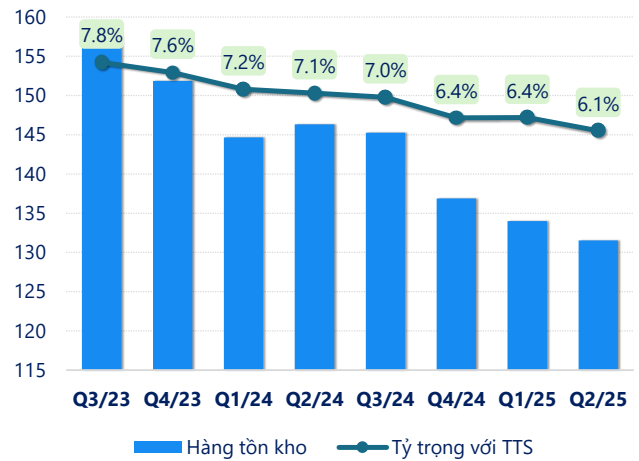
Phải thu ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

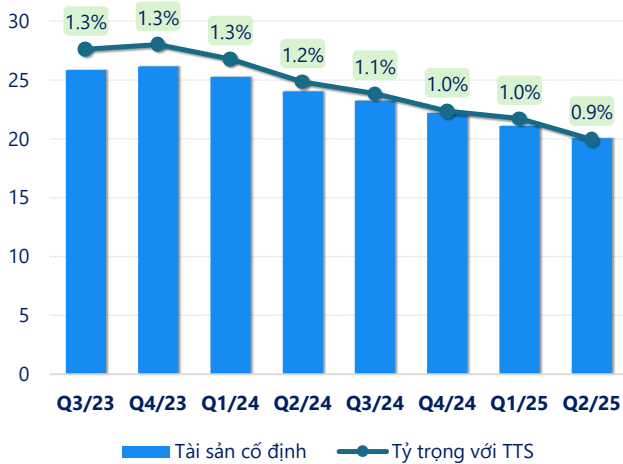
Hàng tồn kho



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

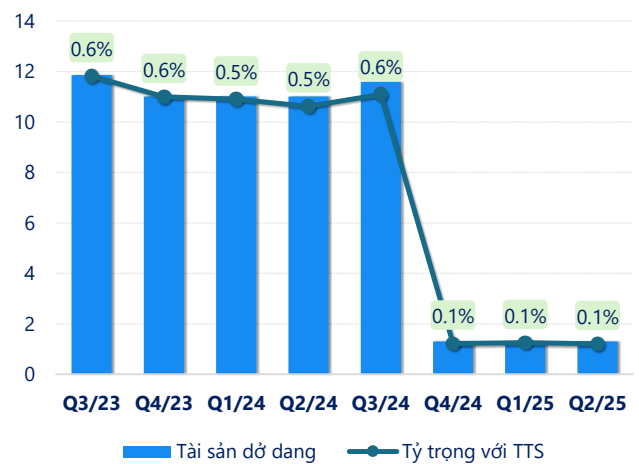
Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

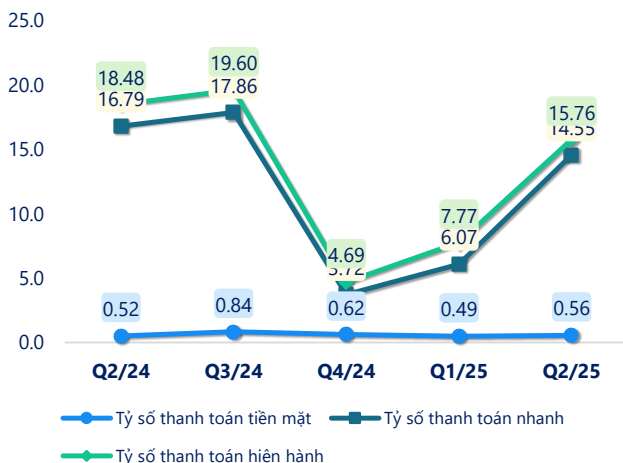
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang



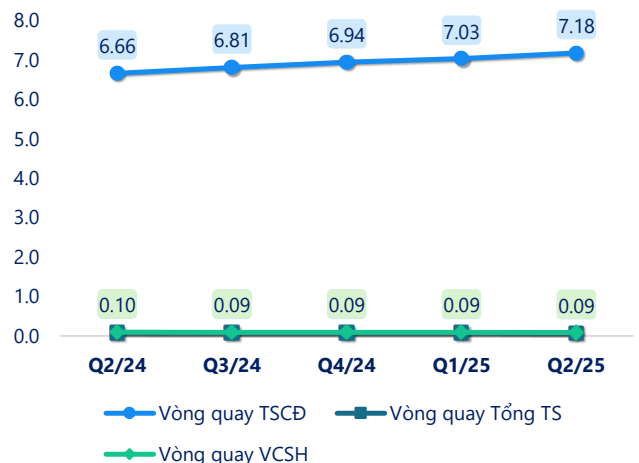
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	2,072	2,088	2,129	2,082	2,156
Tài sản ngắn hạn	1,604	1,640	660	613	1,720
Tiền và tương đương tiền	45.0	70.0	87.1	38.4	61.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	78.4	13.7	9.30	73.9	73.9
Phải thu ngắn hạn	1,332	1,408	424	363	1,450
Hàng tồn kho	146	145	137	134	132
Tài sản ngắn hạn khác	2.87	2.86	2.69	3.83	3.62
Tài sản dài hạn	468	448	1,469	1,469	436
Phải thu dài hạn	21.8	0	1,033	1,033	0
Tài sản cố định	24.0	23.2	22.2	21.1	20.1
Bất động sản đầu tư	24.5	25.7	26.0	26.5	27.9
Tài sản dở dang	11.0	11.6	1.30	1.30	1.30
Đầu tư tài chính dài hạn	350	352	351	351	351
Tài sản dài hạn khác	36.3	35.8	35.8	35.5	34.9
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	266	261	317	254	283
Nợ ngắn hạn	86.8	83.7	141	78.9	109
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	3.30	3.30	3.40	3.04	3.31
Nợ dài hạn	179	178	176	175	173
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,806	1,827	1,812	1,828	1,873
Vốn chủ sở hữu	1,806	1,827	1,812	1,828	1,873
Vốn điều lệ	650	650	650	650	650
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)